

## LỊCH BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

Lịch bảo dưỡng định kỳ này được áp dụng cho xe nâng có điều kiện làm việc thông thường. Với xe nâng có điều kiện làm việc nặng và khắt khe hơn thì yêu cầu thực hiện công việc bảo dưỡng sớm hơn. ( Dầu x trong bảng có nghĩa là thay thế )

### ĐỘNG CƠ.

| Mục kiểm tra        | Công việc bảo dưỡng                                                                   | Dụng cụ         | Hàng ngày sau 8 giờ                                    | Hàng tháng sau 200 giờ                           | Hàng quý sau 600 giờ             | Nửa năm sau 1200 giờ             | Hàng năm sau 2400 giờ            |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Động cơ             | Các điều kiện làm việc (quan sát bằng mắt thường)                                     |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Tiếng nổ                                                                              |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Màu của khói xả                                                                       |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Làm sạch hoặc thay lõi lọc khí                                                        |                 |                                                        | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> |
|                     | Làm sạch ống thông hơi đáy dầu động cơ                                                |                 |                                                        |                                                  | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Kiểm tra khe hở xupap                                                                 | Thước lá        |                                                        |                                                  |                                  | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Vặn chặt các bulông nắp máy                                                           | Cờ lê lực       | Đo lực vắn các bulông nếu cần ( khi tháo lắp nắp máy ) |                                                  |                                  |                                  |                                  |
|                     | Kiểm tra áp suất của từng xy lanh                                                     | Đồng hồ áp suất |                                                        |                                                  |                                  |                                  | <input type="radio"/>            |
| Hệ thống bôi trơn   | Kiểm tra sự rò rỉ của dầu động cơ                                                     |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Kiểm tra chất lượng và mức dầu động cơ                                                |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Thay dầu động cơ                                                                      |                 |                                                        | <input checked="" type="radio"/> 50 giờ đầu tiên | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> |
|                     | Thay lọc dầu động cơ                                                                  |                 |                                                        | <input checked="" type="radio"/> 50 giờ đầu tiên | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> |
|                     | Xả dầu qua nút xả của bầu lọc dầu động cơ                                             |                 |                                                        | <input type="radio"/> 50 giờ đầu tiên            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
| Hệ thống nhiên liệu | Thay mỡ cho bơm nước                                                                  |                 |                                                        |                                                  |                                  |                                  | <input checked="" type="radio"/> |
|                     | Kiểm tra bằng mắt thường sự rò rỉ nhiên liệu từ hệ thống đường ống, bơm, thùng chứa.. |                 | <input type="radio"/>                                  | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |
|                     | Xả nước từ bầu lọc nhiên liệu                                                         |                 |                                                        | <input type="radio"/>                            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>            |

| Mục kiểm tra        | Công việc bảo dưỡng                                       | Dụng cụ              | Hàng ngày sau 8 giờ | Hàng tháng sau 200 giờ | Hàng quý sau 600 giờ | Nửa năm sau 1200 giờ | Hàng năm sau 2400 giờ                   |
|---------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------------------------|
| Hệ thống nhiên liệu | Thay bầu lọc nhiên liệu                                   | Bộ kiểm tra vòi phun |                     |                        | X                    | X                    | X                                       |
|                     | Kiểm tra vòi phun : áp suất phun và độ tơi phun           |                      |                     |                        |                      |                      | O                                       |
|                     | Kiểm tra thời điểm phun                                   |                      |                     |                        |                      |                      | O                                       |
|                     | Làm sạch lọc hút của bơm thấp áp                          |                      |                     |                        |                      |                      | O                                       |
|                     | Xả cặn nước thùng nhiên liệu                              |                      |                     |                        | O                    | O                    | O                                       |
| Hệ thống làm mát    | Làm sạch bên trong thùng nhiên liệu                       |                      |                     |                        |                      | O                    | O                                       |
|                     | Kiểm tra mức nhiên liệu                                   |                      | O                   | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     | Kiểm tra mức nước làm mát trong két nước                  |                      | O                   | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     | Kiểm tra sự rò rỉ nước làm mát của hệ thống tản nhiệt     |                      | O                   | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     | Kiểm tra sự hư hại của các ống dẫn nước                   |                      |                     | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     | Kiểm tra nắp két nước : độ kín và sự thông hơi            |                      |                     | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     | Làm sạch và thay nước làm mát                             |                      |                     |                        | X                    | X                    | X                                       |
|                     |                                                           |                      |                     |                        |                      |                      | (sau mỗi 2 năm với chất chống đông cặn) |
|                     | Kiểm tra đai dẫn động quạt làm mát : độ căng, các hư hại. |                      | O                   | O                      | O                    | O                    | O                                       |
|                     |                                                           |                      |                     |                        |                      |                      |                                         |

**BỘ TRUYỀN ĐỘNG XE**

| Mục kiểm tra                             | Công việc bảo dưỡng                                                               | Dụng cụ | Hàng ngày sau 8 giờ   | Hàng tháng sau 200 giờ    | Hàng quý sau 600 giờ  | Nửa năm sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bộ biến tốc / hộp số                     | Kiểm tra sự rò rỉ dầu                                                             |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra mức dầu                                                                  |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra độ dơ và khả năng làm việc của tay cần điều khiển chuyển hướng di chuyển |         |                       |                           |                       |                       | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra khả năng làm việc của các van điều khiển và bộ ly hợp                    |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra sự vận hành của van điều khiển ly hợp và thay lõi lọc dầu                |         | <input type="radio"/> | X<br>Chỉ cho lần đầu tiên | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | X                     |
| Trục truyền động                         | Kiểm tra độ dơ và siết chặt các bulông lắp ráp                                    |         |                       |                           | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Hộp giảm tốc vì sai và hộp giảm tốc cuối | Kiểm tra sự rò rỉ của dầu                                                         |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra mức dầu                                                                  |         |                       | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | X                     | X                     |
|                                          | Kiểm tra các hư hại, các vết nứt vỡ nếu có                                        |         |                       | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                                          | Kiểm tra độ dơ của các bulông                                                     |         |                       | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

**HỆ THỐNG LÁI**

| Mục kiểm tra               | Công việc bảo dưỡng                                                           | Dụng cụ    | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các lớp xe                 | Kiểm tra độ căng hơi                                                          | Đồng hồ đo | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra các vết nứt, các hư hại                                              |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra độ mòn của talông lốp                                                |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra các vết mòn bất bình thường của lốp                                  |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra các viên đá, sỏi, các vật nguy hiểm khác giắt vào khe các talông lốp |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Bulông, đai ốc lắp bánh xe | Kiểm tra độ dơ                                                                |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra các hư hại nếu có                                                    |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| La răng xe                 | Kiểm tra các vết nứt, các hư hại khác                                         |            | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

# HỆ THỐNG LẠI

| Mục kiểm tra         | Công việc bảo dưỡng                                        | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------------|------------------------------------------------------------|---------|---------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các ổ bi của bánh xe | Kiểm tra độ dơ, tiếng ồn bất bình thường<br>Tháo , thay mỡ |         |                     | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      |                                                            |         |                     |                        |                       |                       | X                     |

# HỆ THỐNG PHANH

| Mục kiểm tra          | Công việc bảo dưỡng                                                                        | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chân phanh            | Kiểm tra hành trình tự do của chân phanh                                                   |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Khả năng di chuyển của chân phanh                                                          |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Sự hoạt động tin cậy                                                                       |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra sự lắp đặt và vận hành đúng                                                       |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Phanh tay             | Kiểm tra độ mòn và hư hại của má phanh                                                     |         |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra độ mòn và hư hại của đĩa phanh                                                    |         |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra khả năng làm việc trong trường hợp khẩn cấp                                       |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       |                                                                                            |         |                       |                        |                       |                       |                       |
| Các đường ống         | Kiểm tra các hư hỏng, rò rỉ và nứt gãy                                                     |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra độ dơ của các đầu nối, các chi tiết kẹp ống                                       |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Phanh dầu             | Kiểm tra chất lượng và sự rò rỉ dầu .                                                      |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra mức dầu                                                                           |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | X                     |
|                       | Kiểm tra sự vận hành của các van điều khiển, các xy lanh phanh.                            |         |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/> |
|                       | Sự rò rỉ dầu của các van điều khiển, các xy lanh phanh.                                    |         |                       |                        |                       |                       |                       |
| Đĩa phanh và má phanh | Tháo, kiểm tra các piston và các van điều khiển để xác định các hư mòn . Thay mới nếu cần. |         |                       |                        |                       |                       | X                     |
|                       | Kiểm tra độ mòn của đĩa phanh                                                              |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                       | Kiểm tra độ mòn của má phanh                                                               |         |                       |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

**HỆ THỐNG PHANH**

| Mục kiểm tra       | Công việc bảo dưỡng                                      | Dụng cụ                | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ            |
|--------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| Hệ thống trợ phanh | Kiểm tra lọc khí                                         |                        |                       |                        |                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            |
|                    | Kiểm tra các chức năng làm việc                          |                        |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/>            |
|                    | Kiểm tra các van ngắt, khe hở của các van                |                        |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/>            |
|                    | Kiểm tra sự làm việc của van điều khiển xy-lanh thủy lực | Đồng hồ đo áp suất dầu |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/>            |
|                    | Kiểm tra sự vận hành của bộ trợ phanh                    |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            |
|                    | Tháo và làm sạch bộ trợ phanh                            |                        |                       |                        |                       |                       | <input type="radio"/>            |
|                    | Xả cần bình khí nén                                      |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            |
|                    | Kiểm tra và thay thế bộ làm khô khí nén.                 |                        |                       |                        |                       | <input type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> |
|                    | Thay thế các bộ gioăng, đệm cao su.                      |                        |                       |                        |                       |                       | <input checked="" type="radio"/> |

**HỆ THỐNG NÀNG TẢI**

| Mục kiểm tra   | Công việc bảo dưỡng                                                                           | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Càng nâng      | Các vết nứt, biến dạng và mòn.                                                                |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                | Các vết nứt và mòn của mối hàn.                                                               |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                | Kiểm tra sự lắp đặt đúng, sự biến dạng nếu có                                                 |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                | Kiểm tra sự hư hại, nứt gãy của các mối hàn trên các thanh ngang của giá đỡ tải               |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                | Kiểm tra sự hư hại, nứt gãy của các mối hàn lắp xy-lanh nghiêng trên cột đứng của giá đỡ tải. |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Cụm giá đỡ tải | Kiểm tra sự hư hại, nứt gãy của các mối hàn trên các cột đứng của giá đỡ tải                  |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                | Kiểm tra sự hư hại, nứt gãy của các mối hàn trên các phần còn lại của giá đỡ tải              |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

**HỆ THỐNG NÀNG TẢI**

| Mục kiểm tra               | Công việc bảo dưỡng                                                     | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ                      | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cum giá đỡ tải (tiếp theo) | Độ dơ của ổ đỡ các con lăn.                                             |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Độ dơ và hư hại của ổ đỡ cột giá đỡ đứng                                |         |                       |                                             |                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Độ dơ của các bu lông lắp cột giá đỡ đứng                               |         |                       | <input type="radio"/><br>(cho lần thứ nhất) |                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Xích tải và bánh xích      | Các vết nứt , hư hại của các con lăn, chốt con lăn và các chi tiết hàn. | Búa     |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra độ căng và các hư hại khác                                     |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Bôi trơn xích                                                           |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Các thiết bị nâng tùy chọn | Độ dơ của chốt lắp đầu xích, các chốt nối xích.                         |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Các hư hỏng của bánh xích                                               |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Độ dơ của ổ đỡ các bánh xích                                            |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Các bộ pistông - xylanh    | Theo các bước kiểm tra chung                                            |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra hư hỏng , độ dơ của các chốt, các vít và cần pistông.          | Búa     | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Sự vận hành của các bộ pistông - xylanh.                                |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Sự rò rỉ dầu .                                                          |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Sự mòn và hư hại của các chốt, bạc lót đầu bộ pistông - xylanh          |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Bơm thủy lực               | Sự rò rỉ và tiếng ồn của bơm                                            |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Độ mòn của bánh răng dẫn động bơm                                       |         |                       | <input type="radio"/>                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

HỆ THỐNG THUỶ LỰC

| Mục kiểm tra                 | Công việc bảo dưỡng                                        | Dụng cụ         | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ                               | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ             | Hàng năm sau 2400 giờ                                      |
|------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Thùng dầu thủy lực           | Kiểm tra mức dầu , chất lượng dầu                          |                 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>                           |
|                              | Làm sạch lọc hút                                           |                 |                       |                                                      |                       | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              | Làm sạch nắp thông hơi                                     |                 |                       |                                                      |                       | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
| Các tay cần điều khiển       | Sự lỏng lẻo ở các khớp nối                                 |                 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              | Sự vận hành đúng                                           |                 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              |                                                            |                 |                       |                                                      |                       |                                  |                                                            |
| Van điều khiển               | Sự rò rỉ dầu                                               |                 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              | Sự làm việc của van an toàn và van khoá nghiêng giá đỡ tải |                 |                       | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              | Đo áp suất xả                                              | Đồng hồ áp suất |                       |                                                      |                       | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
| Bầu lọc dầu                  | Thay bầu lọc dầu trên đường hồi                            |                 |                       | <input checked="" type="radio"/><br>Cho lần đầu tiên |                       | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>                           |
| Hệ thống đường ống, khớp nối | Kiểm tra sự rò rỉ dầu, sự lỏng và các hư hại khác          |                 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>                                | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>            | <input type="radio"/>                                      |
|                              | Thay đường ống của hệ thống nâng tải                       |                 |                       |                                                      |                       |                                  | <input checked="" type="radio"/><br>Cho 1 - 2 năm vận hành |

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

| Mục kiểm tra               | Công việc bảo dưỡng                                 | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vô lăng lái                | Kiểm tra hành trình tự do của vô lăng tay lái       |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra độ dơ dọc trục                             |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra độ dơ hướng trục                           |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra sự làm việc đúng                           |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Các chốt, hệ thống tay đòn | Kiểm tra độ dơ                                      |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                            | Kiểm tra các vết nứt gãy, độ mòn và các hư hại khác |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

**HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN**

| Mục kiểm tra         | Công việc bảo dưỡng                         | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|----------------------|---------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Khớp nối             | Kiểm tra độ dơ và các hư hại của các chốt   |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Trục sau             | Kiểm tra độ võng, độ mòn và các hư hại khác |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      | Kiểm tra tình trạng các gối đỡ              |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Hệ thống trợ lực lái | Kiểm tra sự vận hành đúng                   |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      | Kiểm tra sự rò rỉ dầu                       |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      | Kiểm tra độ dơ của các khớp nối             |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      | Kiểm tra các đường ống có áp suất cao       |         |                       |                        |                       | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                      |                                             |         |                       |                        |                       |                       | ( 2 năm )             |

**HỆ THỐNG ĐIỆN**

| Mục kiểm tra       | Công việc bảo dưỡng                                                                   | Dụng cụ | Hàng ngày Sau 8 giờ   | Hàng tháng Sau 200 giờ | Hàng quý Sau 600 giờ  | Nửa năm Sau 1200 giờ  | Hàng năm sau 2400 giờ |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bộ khởi động       | Kiểm tra các bánh răng và sự ăn khớp giữa bánh răng của máy khởi động và của bánh đà. |         |                       |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Bộ nạp điện ắc quy | Sự làm việc                                                                           |         |                       |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Ắc quy             | Kiểm tra mức dung dịch, Làm sạch ắc quy                                               |         | <input type="radio"/> | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                    | Kiểm tra tỉ trọng dung dịch điện phân                                                 |         |                       |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| Dây dẫn            | Kiểm tra sự hư hại của dây, sự lỏng của các kẹp giữ dây                               |         |                       | <input type="radio"/>  | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|                    | Sự lỏng của các đầu nối dây.                                                          |         |                       |                        | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

**CÁC TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN.**

| Mục kiểm tra               | Công việc bảo dưỡng                                                    | Dụng cụ | Hàng ngày<br>Sau 8 giờ                  | Hàng tháng<br>Sau 200 giờ | Hàng quý<br>Sau 600 giờ | Nửa năm<br>sau 1200 giờ | Hàng năm<br>sau 2400 giờ |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Giá che đầu và giá che tải | Kiểm tra độ dơ các gờ đỡ                                               |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra sự biến dạng, nứt gãy và các vấn đề khác                      |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Tín hiệu xinhan            | Kiểm tra sự làm việc và báo tín hiệu đúng                              |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Còi                        | Kiểm tra sự làm việc và báo tín hiệu đúng                              |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Các loại đèn               | Kiểm tra sự làm việc và báo tín hiệu đúng                              |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Tín hiệu lùi               | Kiểm tra sự làm việc và báo tín hiệu đúng                              |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Gương chiếu hậu            | Kiểm tra sự hư hỏng và bụi bẩn                                         |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra khả năng nhìn rõ của gương                                    |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Các đồng hồ đo             | Kiểm tra sự làm việc chính xác.                                        |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Biển đăng ký               | Kiểm tra sự phản xạ ánh sáng, lau chùi sạch sẽ.                        |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Ghế vận hành               | Kiểm tra sự hư hỏng và bắt chặt các bulông                             |         |                                         |                           |                         | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Thân xe                    | Kiểm tra sự biến dạng, các vết nứt trên khung xe và các thanh ngang.   |         |                                         |                           |                         |                         | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra bắt chặt các bulông và đinh tán                               |         |                                         |                           |                         |                         | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra các phần đã sửa chữa trước đó (nếu có)                        |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra tình trạng chung của thân xe                                  |         | <input type="radio"/>                   | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
| Tra mỡ và thay dầu         | Sau khi làm sạch, kiểm tra điều kiện bôi mỡ bảo quản cho khung gầm xe. |         | <input type="radio"/><br>sau mỗi 50 giờ | <input type="radio"/>     | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |
|                            | Kiểm tra tình trạng của dầu máy và các loại dầu khác                   |         |                                         |                           |                         | <input type="radio"/>   | <input type="radio"/>    |

# BẢNG THỂ TÍCH CÁC THÙNG CHỨA.

Đơn vị : lít

Model xe : FD 160 – 230

| Stt | Mục                                        | Số lượng     | Loại dầu                            | Nhiệt độ môi trường                      | Cấp độ nhớt                          |
|-----|--------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Thùng dầu thủy lực                         | 180          | Dầu thủy lực                        |                                          |                                      |
| 2   | Thùng dầu phanh                            | 3            | Dầu phanh                           |                                          |                                      |
| 3   | Hộp bánh răng giảm tốc vi sai              | 28           | Dầu bánh răng API cấp GL4           | - 10 <sup>0</sup> C và hơn               | SAE 90                               |
|     | Hộp bánh răng giảm tốc cuối ( mỗi vị trí ) | 5            |                                     | - 25 <sup>0</sup> C và hơn               | SAE 80W                              |
|     |                                            |              |                                     | - 40 <sup>0</sup> C và hơn               | SAE 75W                              |
| 4   | Hộp biến tốc                               | 30           | Dầu động cơ ATF DEXRON              | - 25 <sup>0</sup> C và hơn               | SAE 10W ATF                          |
|     |                                            |              |                                     | - 40 <sup>0</sup> C và hơn               |                                      |
| 5   | Kết làm mát                                | 32           | Nước làm mát có chất chống đông cạn |                                          |                                      |
| 6   | Thùng nhiên liệu                           | 400          | Dầu nhẹ                             |                                          |                                      |
| 7   | Bẫy dầu của động cơ diesel                 | 13           | API cấp CD hoặc dầu động cơ         | - 0 <sup>0</sup> C và hơn                | SAE 30                               |
|     |                                            |              |                                     | - 25 <sup>0</sup> C đến 0 <sup>0</sup> C | SAE 10W                              |
|     |                                            |              |                                     | - 25 <sup>0</sup> C và hơn               | SAE 10W-30; 10W-40; 10W-50; 15W – 40 |
|     |                                            |              |                                     | - 40 <sup>0</sup> C và hơn               |                                      |
| 8   | Các điểm tra mỡ                            | Theo yêu cầu | Loại mỡ đa cấp gốc Lithium          | Loại NLGI số 0, 1 hoặc 2                 |                                      |

Ghi chú :

- 1) Với động cơ được trang bị turbo tăng áp, nên sử dụng loại dầu API cấp CD hoặc dầu động cơ cấp cao hơn
- 2) Để có thêm thông tin về các loại dầu bôi trơn, liên hệ với nhà sản xuất TCM.

# BẢNG LIỆT KÊ CÁC CHẤT BÔI TRƠN

| Vị trí sử dụng                                                   | Nhiệt độ môi trường khi khởi động động cơ |                   | Loại dầu sử dụng      | Cấp độ nhớt                            | Loại dầu có thể thay thế với điều kiện môi trường Việt nam |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Dây dầu của động cơ diesel                                       | Vùng thông thường                         | 0° C và cao hơn   | Dầu động cơ           | SAE 30                                 | Delo Silver SAE.30                                         |
|                                                                  |                                           | - 25° C tới 0°C   |                       | SAE 10                                 | Delo Silver Multigrade                                     |
|                                                                  | Vùng lạnh                                 | -25° C và cao hơn |                       | SAE 10W-30, 10W – 40, 10W – 50, 15W-40 | SAE . 15W - 40                                             |
| Thùng dầu côn                                                    |                                           | -40° C và cao hơn |                       | SAE 5W-20, 5W – 40                     |                                                            |
|                                                                  |                                           |                   |                       |                                        |                                                            |
|                                                                  |                                           |                   |                       |                                        |                                                            |
| Thùng dầu thủy lực                                               |                                           | -25° C và cao hơn | Dầu động cơ           | SAE 10W                                | Delo Silver SAE 10W                                        |
|                                                                  |                                           |                   | Dầu thủy lực          | ISO VG 32                              |                                                            |
|                                                                  |                                           | -40° C và cao hơn | Dầu động cơ           | SAE 5W – 20                            |                                                            |
| Hộp số tự động                                                   |                                           |                   | Dầu thủy lực          | ISO VG22                               |                                                            |
|                                                                  |                                           | -25° C và cao hơn | Dầu động cơ           | SAE 10W                                |                                                            |
|                                                                  |                                           | -40° C và cao hơn | ATF                   |                                        |                                                            |
| Hộp số không tự động, hộp số lái, hộp giảm tốc cuối và hành tinh |                                           | -10° C và cao hơn | Dầu bánh răng         | SAE 90                                 | Thurban GL 4 . SAE - 90                                    |
|                                                                  |                                           | -25° C và cao hơn |                       | SAE 80W                                |                                                            |
|                                                                  |                                           | -40° C và cao hơn |                       | SAE 75W                                |                                                            |
| Các điểm bơm mỡ                                                  |                                           | -25° C và cao hơn | Mỡ đa cấp gốc Lithium | Các số NLGI số 0, 1, hoặc 2            | Multigrak EP.2                                             |
|                                                                  |                                           | -40° C và cao hơn |                       |                                        |                                                            |
|                                                                  |                                           |                   |                       |                                        |                                                            |

## **CÁC BƯỚC KIỂM TRA SAU MỖI 1200 GIỜ LÀM VIỆC (6 THÁNG)**

*Thực hiện cùng các bước kiểm tra hàng ngày, sau mỗi 200 giờ và 600 giờ làm việc.*

### **CÁC MỤC CẦN KIỂM TRA.**

- Thay lõi lọc khí.
- Thay dầu bộ biến tốc.
- Thay dầu cầu trước.
- Thay bầu lọc dầu của bộ biến tốc ( công việc này cũng cần thực hiện sau 200 giờ vận hành đầu tiên).
- Kiểm tra độ dơ của bu lông lắp giá đỡ tải ( công việc này cũng cần thực hiện sau 200 giờ vận hành đầu tiên).
- Làm sạch lọc hút của hệ thống thủy lực.
- Làm sạch nắp thông hơi của thùng dầu thủy lực.
- Thay bầu lọc chính
- Xả cặn và làm sạch thùng dầu thủy lực.
- Đo kiểm tra áp suất xả của các van điều khiển thủy lực.
- Thay lõi lọc dầu hồi của hệ thống lái ( công việc này cũng cần thực hiện sau 600 giờ vận hành đầu tiên)
- Làm sạch bộ lọc khí của hệ thống phanh.
- Kiểm tra các hư hỏng nếu có, kiểm tra độ dơ của ghế ngồi vận hành.

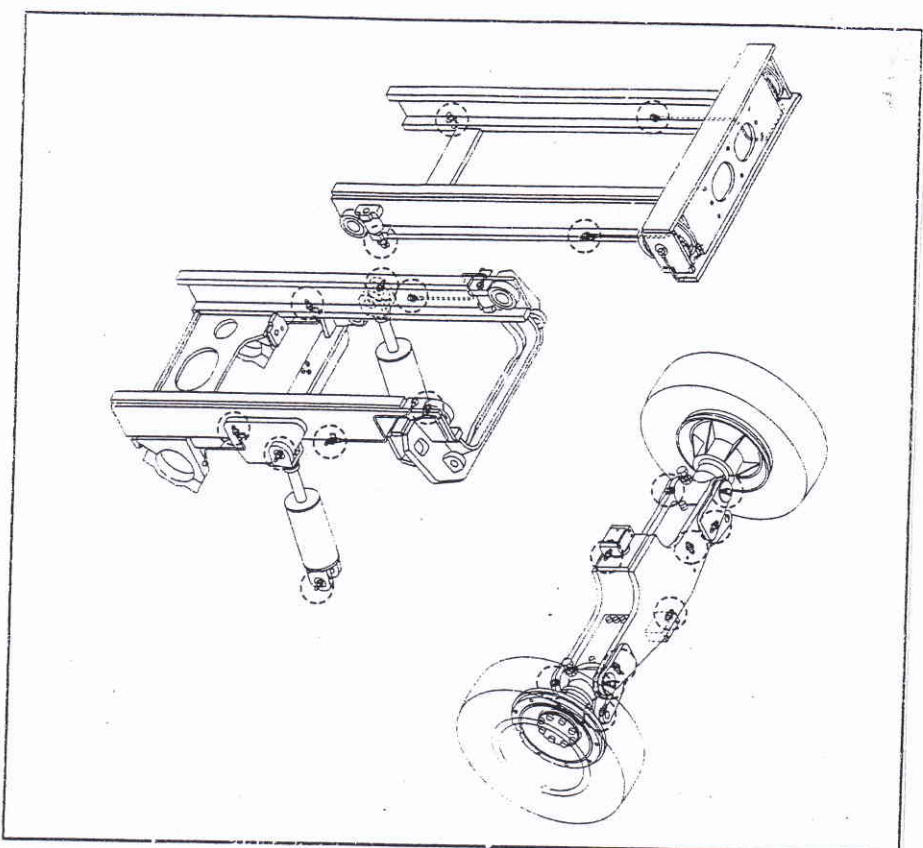
# CÁC BƯỚC KIỂM TRA SAU MỖI 600 GIỜ LÀM VIỆC (3 THÁNG)

Thực hiện cùng các bước kiểm tra sau mỗi 200 giờ làm việc.

## CÁC MỤC CẦN KIỂM TRA.

- Nước làm mát. – Làm sạch bộ tản nhiệt và thay nước làm mát. ( Thực hiện mỗi năm một lần nếu sử dụng chất chống đóng cặn LLC )
- Thay bầu lọc nhiên liệu
- Xả cặn, nước trong thùng nhiên liệu.
- Trục lái - Kiểm tra độ dư của các bu lông gá lắp.
- Trục trước (Hộp giảm tốc ): Kiểm tra mức dầu,
- Kiểm tra sự ăn khớp của bộ bánh răng khởi động
- Kiểm tra sự làm việc của máy nạp ắc quy.
- Ắc quy: Kiểm tra tỉ trọng của dung dịch điện phân.
- Hệ thống dây điện : kiểm tra sự lỏng của các đầu nối.

## CÁC ĐIỂM TRA MỖ.



## HỆ THỐNG LÁI VÀ GIÁ ĐỖ TẢI

1. Các con lăn bên ngoài phía trên của giá đỡ tải : 2 điểm
2. Con lăn nâng giá đỡ tải : 4 điểm
3. Các con lăn bên trong phía dưới của giá đỡ tải: 2 điểm
4. Các chốt của cụm piston - xi lanh nghiêng : 2 điểm.
5. Các gối đỡ giá đỡ tải : 2 điểm
6. Các tay cần điều khiển van: (\*)
7. Trụ : 3 điểm
8. Chốt : 2 điểm
9. Chốt : 4 điểm
10. Xylanh lái : 2 điểm
11. Trụ vô lăng lái : 2 điểm

(\*) : Số điểm cần tra mỗ thay đổi tùy theo việc trang bị thêm các thiết bị tùy chọn.

## CÁC BƯỚC KIỂM TRA HÀNG THÁNG (SAU MỖI 200 GIỜ LÀM VIỆC)

### Danh mục các mục cần kiểm tra.

Các bước thực hiện được liệt kê trong bảng dưới đây.

Các công việc điều chỉnh và thay thế chi tiết, phải được thực hiện bởi những người có tay nghề và có các dụng cụ phù hợp.

1. Lọc khí : thay lõi lọc .
2. Thay dầu động cơ. ( Với động cơ mới, dầu động cơ được thay sau 50 giờ vận hành đầu tiên)
3. Lọc dầu động cơ : thay bầu lọc. ( Với động cơ mới, bầu lọc dầu động cơ được thay sau 50 giờ vận hành đầu tiên)
4. Các đường ống của bộ tản nhiệt : kiểm tra sự hư hại.
5. Nắp bộ tản nhiệt : kiểm tra sự làm việc và lắp đúng.
6. Tay cần chuyển hướng di chuyển : kiểm tra sự làm việc và độ dơ.
7. Trục trước : kiểm tra sự hư hại, các vết nứt...
8. Bulông lắp ổ trục trước : Kiểm tra sự lỏng, siết chặt lại.
9. Lốp xe : kiểm tra độ mòn của talông lốp, sự bám / kẹt của các viên đá, sỏi.
10. Ổ bi của các bánh xe : kiểm tra độ lỏng, tiếng ồn khi làm việc.
11. Các đường ống của hệ thống phanh : kiểm tra sự hư hại, sự rò rỉ dầu
12. Dầu phanh : kiểm tra sự rò rỉ, sự bẩn.
13. Càng nâng : kiểm tra các vết nứt gãy, sự mòn.
14. Giá đỡ tải, khung đỡ tải : kiểm tra các vết nứt , gãy và các hư hại khác tại các mối hàn.
15. Các con lăn cuối và con lăn bên: kiểm tra sự nối lỏng và các vết nứt của mối hàn.
16. Xích nâng : Kiểm tra độ giãn và điều kiện bôi trơn
17. Trốt lắp xích tải : kiểm tra sự nối lỏng và các vết nứt nếu có
18. Các bánh dẫn động xích: Kiểm tra sự nối lỏng và hư hại .
19. Các thiết bị kèm theo: Kiểm tra tình trạng làm việc của từng chi tiết .
20. Các ổ bạc và chốt đầu xi lanh: kiểm tra sự mòn và hư hại.
21. Cùm van phân phối và van khoá nghiêng càn: kiểm tra các chức năng làm việc
22. Các khớp tay đòn và chốt lái: kiểm tra độ dơ và sự hư hỏng.
23. Trục sau: Kiểm tra tình trạng lắp đặt, các hư hại.
24. Bộ trợ lực lái : Kiểm tra tình trạng lắp đặt
25. Hệ thống dây điện.
26. Tra mỡ.

**THAY THỂ ĐỊNH KỲ CÁC CHI TIẾT AN TOÀN.**

Để quá trình vận hành được an toàn tuyệt đối thì việc bảo dưỡng phòng ngừa rất quan trọng và phải được nhấn mạnh. Đặc biệt các chi tiết được liệt kê trong bảng dưới đây phải được thay thế định kỳ, vì chúng là các chi tiết rất quan trọng liên quan đến mọi vấn đề an toàn trong quá trình sử dụng xe nâng.

Hơn nữa, các chi tiết này bị hư hỏng theo thời gian làm việc, mà sự hư hỏng này không thể phát hiện được trong các lần kiểm tra định kỳ. Vì vậy những chi tiết này bắt buộc phải được thay mới, khi chúng đã có thời gian làm việc đủ định kỳ, ngay cả khi chúng có thể được xem là còn tốt.

**Ghi chú :**

Các chi tiết này không bao gồm trong danh mục các chi tiết được bảo hành.

| Stt | Tên chi tiết                                                                   | Thời gian thay (năm) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1   | Các đệm chấn bụi, các đệm che của các bộ pistông – xy lanh chính, xy lanh lái. | 1                    |
| 2   | Các gioăng phốt cao su của hệ thống trợ lực phanh                              | 1                    |
| 3   | Các đường ống của hệ thống phanh                                               | 1 – 2                |
| 4   | Các đường dẫn khí của hệ thống phanh                                           | 1 – 2                |
| 5   | Các đường ống của hệ thống trợ lực lái                                         | 2                    |
| 6   | Các thùng chứa                                                                 | 2 – 4                |
| 7   | Các đường ống của hệ thống nhiên liệu                                          | 2 – 4                |
| 8   | Các ống cao su của bộ biến tốc                                                 | 2                    |
| 9   | Các gioăng phốt cao su bên trong hệ thống trợ lực lái                          | 2                    |
| 10  | Xích nâng                                                                      | 2 – 4                |
| 11  | Đường ống của hệ thống nâng tải                                                | 1 - 2                |

## 4.3 CÁC BƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ.

Cũng như cơ thể con người cần có chế độ chăm sóc theo yêu cầu, máy móc thiết bị cũng cần phải có chế độ kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ.

Khi xe nâng đang vận hành tốt, thì việc thực hiện các công việc kiểm tra và bảo dưỡng cho xe có vẻ không bình thường. Nhưng việc phát hiện sớm các hư hỏng, mà chúng sẽ làm giảm hiệu quả sử dụng của xe nâng, để sửa chữa ngay lập tức thì sẽ làm tăng công suất của xe nâng, mang lại hiệu quả lớn, làm tăng tuổi thọ của xe và đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Các bước kiểm tra trước khi vận hành như đổ thêm dầu, mỡ , nhiên liệu, làm sạch các bầu lọc ... sẽ được thực hiện bởi người sử dụng xe. Các bước kiểm tra và bảo dưỡng phức tạp khác sẽ được thực hiện bởi các đại lý của TCM theo thoả thuận với người sử dụng xe. Phải chú ý cẩn trọng khi thực hiện các công việc kiểm tra và bảo dưỡng, phải có đầy đủ các hiểu biết, phải có dụng cụ và các trang thiết bị thích hợp .. để tránh xảy ra tai nạn trong khi thực hiện các công việc. Trong tài liệu này, các công việc kiểm tra định kỳ được thực hiện theo số giờ cũng như số ngày xe đã hoạt động. Mỗi tháng tính tương đương với xe hoạt động được 200 giờ.

### Chú ý!

Phải đọc kỹ tài liệu trước khi kiểm tra hoặc thực hiện các công việc bảo dưỡng xe.